

PHỤ LỤC: DANH MỤC THUỐC

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 250/YCBG-Dược, ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện GTVT TPHCM)

Có số 1: Gói thầu thuốc generic:

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng Bào chế	Đơn vị tính	Số lượng MỜI THẦU
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Propofol		1%, 20ml	Tiêm	Nhũ tương tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Ống	300
2	Sevofluran		100%;250ml	Đường hô hấp	Chất lỏng dễ bay hơi dùng gây mê đường hô hấp	Chai	50
3	Neostigmin metylsulfat		0,5mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	500
4	Rocuronium bromid		10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	50
5	Diclofenac natri		75mg/3ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Ống	250
6	Etoricoxib		90mg	Uống	viên nén bao phim	Viên	5,000
7	Naproxen		250mg	Uống	Viên	Viên	8,000
8	Colchicin		1mg	Uống	Viên nén	Viên	850
9	Glucosamin		1500mg	uống	Thuốc bột	Gói	24,000
10	Alphachymotrypsin		4,2mg	uống	viên nén	viên	3,000
11	Cinnarizin		25mg	Uống	Viên nén	Viên	1,500
12	Desloratadin		5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	300
13	Fexofenadin		60mg	uống	viên nén bao phim	viên	5,200
14	Levocetirizin		10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2,500
15	Promethazin hydrochlorid		100mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	50
16	Naloxon (hydroclorid)		0,4mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	50
17	Nor-epinephrin		4mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	10
18	Gabapentin		300mg	uống	viên nang cứng	viên	4,000
19	Ampicilin + sulbactam		1000mg + 500mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Lọ	200
20	Neomycin + Polymycin B + Dexamethason		(35mg; 100.000IU; 10mg)/ 10ml	Nhỏ mắt/tai	Dung dịch nhỏ mắt/tai	Lọ	200
21	Tetracyclin hydroclorid		1% x 5g	Mỡ tra mắt	Tra mắt	Tuýp	200
22	Spiramycin + metronidazol		750.000 IU + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	500

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng Bào chế	Đơn vị tính	Số lượng MỜI THẦU
23	Aciclovir		5% - 5g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	400
24	Flunarizin		5mg	Uống	Viên nén không bao	Viên	5,000
25	Tamsulosin hydroclorid		0,4mg	uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	15,000
26	Dutasteride		0,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	6,000
27	Sắt sulfat + folic acid		50mg + 0,35mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Viên	7,000
28	Trimetazidin		35mg	Uống	Viên bao phim phóng thích có kiểm soát	Viên	25,000
29	Bisoprolol		2,5mg	Uống	Viên	Viên	24,000
30	Carvedilol		6,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	12,000
31	Felodipin		5mg	Uống	viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Viên	25,000
32	Lisinopril		10 mg	Uống	Viên	Viên	6,000
33	Losartan Kali + Hydrochlorothiazid		50mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	10,000
34	Acetylsalicylic acid		81mg	uống	viên nén bao phim tan trong ruột	viên	10,000
35	Nicardipin		10mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	60
36	Telmisartan		80mg	Uống	Viên nén	Viên	10,000
37	Telmisartan + hydrochlorothiazid		40mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Viên	20,000
38	Indapamid		2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5,000
39	Aluminium phosphate		20% 12,38g	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	5,000
40	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd		(800,4mg; 611,76 mg)/15g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	24,000
41	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon		(800mg + 611,76mg + 80mg)/15g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	15,000
42	Domperidon		10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3,000
43	Metoclopramid		10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	800
44	Alverin (citrat) + simethicon		(60+300)mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	6,000
45	Drotaverin clohydrat		40mg/2 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	40
46	Bacillus subtilis		2x10 ⁹ CFU	Uống	Hỗn dịch uống	Ống	1,000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng Bào chế	Đơn vị tính	Số lượng MỖI THẦU
47	Bacillus clausii		2 tỷ bào tử (CFU)	Uống	Viên nang cứng	Viên	1,000
48	Saccharomyces boulardii		2,5x10 ⁹ tế bào/250mg	uống	Viên nang cứng	Viên	20,000
49	Berberin (hydroclorid)		100mg	Uống	Viên nang cứng	viên	3,000
50	Diosmectit		3g/3,76g	uống	thuốc bột uống	gói	3,000
51	Diosmin + hesperidin		450mg + 50mg	Uống	viên nén bao phim	Viên	25,000
52	Trimebutin maleat		24mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2,000
53	Ursodeoxycholic acid		250mg	Uống	Viên	Viên	2,000
54	Beclometason (dipropionat)		50mcg/liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Lọ	500
55	Betamethason		0.05%; 30g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Tuýp	50
56	Dexamethason		4mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	500
57	Gliclazide		60mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	40,000
58	Insulin người trộn, hỗn hợp		(700IU + 300IU)/10ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Lọ	500
59	Eperison		50mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Viên	12,000
60	Tolperison		150mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2,000
61	Hydroxypropyl methylcellulose		30mg/10ml - Lọ 15ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	200
62	Olopatadin (hydroclorid)		2mg/ml - Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	100
63	Timolol		5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	50
64	Tobramycin + Dexamethasone		(3mg + 1mg) /1ml, Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	100
65	Natri hyaluronat		5mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	400
66	Betahistine dihydrochloride		8mg	Uống	Viên nén	Viên	12,000
67	Fluticason propionat		50mcg/0,05ml (0,1%)	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Chai	150
68	Salbutamol (sulfat)		100mcg/liều	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình xịt	150
69	Rotundin		60mg	Uống	Viên nén	Viên	5,000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng Bào chế	Đơn vị tính	Số lượng MỜI THẦU
70	Acetyl leucin		100 mg/ml, ống 5 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	100
71	Acetyl leucin		500mg	Uống	Viên nén	Viên	10,000
72	Ginkgo biloba		40mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	40,000
73	Mecobalamin		1500mcg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	10,000
74	Budesonide		64mcg/0,05ml	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Lọ	100
75	Budesonid + formoterol		100mcg + 6mcg	Dạng hít	Thuốc hít định liều dạng phun mù	Bình xịt	200
76	Salmeterol+ fluticason propionat		(25mcg;250mcg)/liều x 120 liều	Dạng hít	Thuốc hít định liều dạng khí dung	Bình xịt	200
77	N-acetylcystein/ acetylcystein		200mg	Uống	Gói	Gói	20,000
78	Dextromethorphan		15mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5,000
79	Glucose		5%, 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dịch truyền tĩnh mạch	Chai	2,000
80	Glucose		10%, 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dịch truyền tĩnh mạch	Chai	60
81	Glucose khan 30g/100ml		30%, 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dịch truyền tĩnh mạch	Chai	32
82	Natri clorid		0,9g/100ml; 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	2,000
83	Ringer lactat		500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	500
84	Calci carbonat+ calci gluconolactat		300mg + 2.940mg	Uống	Viên sủi	Viên	10,000
85	Kẽm gluconat		70mg	Uống	viên nén bao phim	Viên	5,000
86	Vitamin B1 + B6 + B12		100mg + 200mg + 200mcg	uống	viên nén bao phim	viên	25,000
87	Vitamin B6 + magnesi lactat		470mg + 5mg	uống	viên nén bao phim tan trong ruột	viên	40,000
88	Vitamin A		5000UI	Uống	Viên nang	Viên	1,000
89	Vitamin A + D		4000UI + 400UI	Uống	Viên nang mềm	Viên	3,000
90	Vitamin A + D2		2000IU + 400IU	Uống	Viên nang mềm	Viên	1,000
91	Vitamin C		1000mg	uống	Viên sủi	viên	1,000
92	Vitamin C		500mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	20,000
93	Vitamin PP		500mg	Uống	Viên	viên	1,000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng Bào chế	Đơn vị tính	Số lượng MỜI THẦU
94	Hydrocortisone		15g, 1%	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Tuýp	100
95	Castellani		15ml	Dùng ngoài	Dung dịch bôi ngoài da	Lọ	100
96	Tyrosur		5g, 1mg/g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Tuýp	100
97	Calci gluconate		500mg	uống	viên nén	viên	600
98	Perindopril		5mg	Uống	Viên	Viên	10,000
99	Methyldopa		250mg	Uống	Viên	Viên	1,000
100	Diltiazem		30mg	Uống	Viên	Viên	1,000
101	Acabose		50mg	Uống	Viên	Viên	30,000
102	Metformin+ Vildagliptin		500mg+50mg	Uống	Viên	Viên	20,000
103	Linagliptin		5mg	Uống	Viên	Viên	20,000
104	Dapagliflozin		5mg	Uống	Viên	Viên	20,000
105	Terpin Codein		200mg/5mg	Uống	Viên	Viên	2,000
106	Sertraline		25mg	Uống	Viên	Viên	500
107	Citalopram		20mg	Uống	Viên	Viên	500
108	Dipheniramin		10mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	200
109	Propranolol		40mg	Uống	Viên	Viên	10,000
110	Kali clorid		500mg	Uống	Viên	Viên	500
111	Silymarin		140mg	Uống	Viên	Viên	10,000
112	Montelukast		10mg	Uống	Viên	Viên	500
113	Itoride		50mg	Uống	Viên	Viên	2,000
114	Natri clorid		0,9g/100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	300

Ghi chú: Nhóm TCKT của thuốc do nhà cung cấp đề xuất.